

KẾ HOẠCH

Hành động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2017 - 2020

Thực hiện Quyết định số 4177/QĐ-BYT ngày 03/8/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động Quốc gia về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xây dựng Kế hoạch hành động về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016-2020, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Làm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng, củng cố mạng lưới cấp cứu và điều trị sản khoa, nhi khoa; ưu tiên các can thiệp giảm tử vong mẹ (TVM) và tử vong trẻ em (TVTE) nhằm làm giảm sự khác biệt về tình trạng sức khỏe và tình trạng TVM, TVTE giữa các vùng miền, các nhóm đối tượng ưu tiên; đồng thời hướng tới nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản ở các cấp theo hướng chuyên sâu.

2. Yêu cầu

Các đơn vị y tế trong ngành cần tích cực chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020. Các hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch phải bám sát "Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2016-2020" ban hành kèm theo Quyết định số 4177/QĐ-BYT ngày 03/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em thông qua các giải pháp can thiệp và thực hiện các biện pháp dự phòng có hiệu quả, ưu tiên các vùng còn nhiều khó khăn nhằm tiếp tục giảm sự khác biệt giữa các vùng miền trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, chăm sóc sơ sinh, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ; góp phần thực hiện các mục tiêu của Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản tỉnh giai đoạn 2011-2020 và chỉ tiêu về sức khỏe bà mẹ trẻ em trong các Mục tiêu phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước, trong và sau sinh, ưu tiên những vùng khó khăn nhằm thu hẹp sự chênh lệch về tình trạng sức khỏe và tử vong mẹ giữa các vùng.

- Giảm tỷ lệ tử vong mẹ xuống dưới 25/100.000 trẻ đẻ sống;
- Tăng tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ lên 96%, trong đó tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ đạt 90%;
- Tăng tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đủ mũi vắc xin uốn ván lên 98,9%;
- Duy trì tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ là 100%, trong đó tỷ lệ phụ nữ đẻ do người đỡ đẻ có kỹ năng hỗ trợ là 85%;
- Duy trì tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh là 100%, trong đó trong tuần đầu sau sinh là 100%;
- Tăng tỷ lệ phụ nữ trong nhóm tuổi từ 15-49 đang áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại lên 76%;
- Tăng tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm HIV lên 90,2%.

2.2. Tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ sơ sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ, ưu tiên những vùng khó khăn nhằm thu hẹp sự khác biệt về tình trạng sức khỏe và tử vong trẻ sơ sinh, trẻ em giữa các vùng miền.

- Giảm tỷ suất tử vong sơ sinh xuống dưới 2,5‰;
- Giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống dưới 3,5‰;
- Giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 4,5‰;
- Tỷ lệ trẻ được bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt 50%;
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong giờ đầu sau đẻ đạt 82%;
- Giảm tỷ lệ SDD thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 22%;
- Giảm tỷ lệ SDD nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 12%;
- Tỷ lệ trẻ 0-59 tháng tuổi nghi ngờ viêm phổi được điều trị bằng kháng sinh đạt 95%.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu

- Tăng cường cơ sở vật chất cho tuyến xã, đặc biệt các trạm y tế có đỡ đẻ ở vùng nông thôn, miền núi, nâng cấp, xây mới hoặc bố trí phòng đẻ riêng và cung cấp, bổ sung các dụng cụ, trang thiết bị còn thiếu. Duy trì nguồn cung các thuốc cần thiết cho phụ nữ có thai, bà mẹ và cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, đặc biệt là các thuốc cấp cứu ở tuyến xã;

- Bổ sung đồng bộ trang thiết bị, thuốc, vật tư tiêu hao, nâng cấp cơ sở vật chất, kết hợp với đào tạo cán bộ cho các bệnh viện đa khoa huyện có khó khăn để có đủ khả năng cung cấp gói dịch vụ cấp cứu sản khoa toàn diện và

triển khai, duy trì hoạt động của đơn nguyên sơ sinh;

- Triển khai hiệu quả hệ thống bệnh viện vệ tinh theo Đề án Bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 774/QĐ-BYT ngày 11/3/2013 của Bộ trưởng Bộ y tế để nâng cao năng lực khám, chữa bệnh tại chỗ của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Ninh Bình, từng bước giảm người bệnh chuyển tuyến trên, tăng tiếp nhận người bệnh từ tuyến trên về điều trị.

- Củng cố, nâng cấp hoặc xây mới, bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh để có thể thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Cập nhật, tiêu chuẩn hóa cơ sở vật chất, các gói trang thiết bị, gói vật tư tiêu hao theo các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản tại các tuyến.

2. Nhóm giải pháp đảm bảo tài chính, đổi mới phương thức chi trả nhằm tăng khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em

- Tăng cường đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em từ ngân sách trung ương thông qua dự án hỗ trợ có mục tiêu về chăm sóc sức khỏe sinh sản. Đồng thời huy động thêm từ ngân sách địa phương, hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế cũng như các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, chăm sóc sơ sinh và chăm sóc trẻ nhỏ;

- Đổi mới cơ chế thanh toán bảo hiểm y tế, đẩy mạnh việc thực hiện thanh toán BHYT theo gói dịch vụ;

- Đề xuất các quy định cải thiện chi trả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản.

3. Nhóm giải pháp đảm bảo nguồn nhân lực chuyên ngành và nâng cao năng lực chuyên môn phụ sản/nhi - sơ sinh cho y tế các tuyến

- Bổ sung số lượng nhân lực sản, nhi thông qua tuyển dụng, luân chuyển và đào tạo bổ sung kiến thức, kỹ năng cho các cán bộ y tế thuộc chuyên ngành khác, đặc biệt ưu tiên các huyện khó khăn, vùng sâu, vùng xa;

- Tăng cường đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu, chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên cho tuyến dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc, hoặc các hình thức phù hợp tại các cơ sở lâm sàng;

- Chú trọng đào tạo cán bộ theo kịp đáp ứng yêu cầu của từng gói dịch vụ kỹ thuật về cấp cứu, hồi sức sản khoa và chăm sóc sơ sinh.

4. Nhóm giải pháp tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý, hoàn thiện cơ chế chính sách có liên quan đến sức khỏe bà mẹ, trẻ em

- Tăng cường năng lực cho mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, chăm sóc sơ sinh, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ tại các tuyến;

- Tăng cường giám sát hỗ trợ, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc SKSS... của các cơ sở y tế, bao gồm cả các cơ sở y tế tư nhân;

- Củng cố, kiện toàn mạng lưới chăm sóc SKSS, tăng cường công tác đào tạo, chỉ đạo tuyến ở tuyến tỉnh; luân phiên, luân chuyển nhân viên y tế từ tuyến tỉnh xuống tuyến huyện; xây dựng, hoàn thiện quy trình và tổ chức chuyển giao các gói kỹ thuật cho bệnh viện tuyến huyện;

- Tăng cường chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và phối hợp hành động giữa các ngành, các tổ chức liên quan, các đối tác phát triển trong và ngoài tỉnh trong việc triển khai các mô hình can thiệp có hiệu quả về chăm sóc SKSS.

5. Nhóm giải pháp tăng cường truyền thông và tuyên truyền vận động

- Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của công tác làm mẹ an toàn và chăm sóc sơ sinh. Huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan truyền thông đại chúng tham gia vào vận động chính sách, nguồn lực và môi trường xã hội thuận lợi cho công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em;

- Tăng cường các hoạt động Thông tin - Giáo dục - Truyền thông cho cộng đồng về: Kiến thức, thực hành tốt trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tính sẵn có và chất lượng của dịch vụ; chế độ chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Tiếp tục chú trọng truyền thông thay đổi hành vi thông qua đội ngũ truyền thông viên trực tiếp tại cộng đồng và tại các cơ sở cung cấp dịch vụ. Đào tạo kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cung cấp dịch vụ các tuyến;

- Cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp nhằm đa dạng hoá các loại hình truyền thông đến các nhóm đối tượng ưu tiên;

- Truyền thông giáo dục y đức, nâng cao ý thức tinh thần trách nhiệm, thái độ ứng xử, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ nhân viên Ngành Y tế.

6. Nhóm giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin và cải thiện chất lượng báo cáo thống kê y tế

- Cải thiện hệ thống giám sát, theo dõi, đánh giá tiến độ triển khai các can thiệp về sức khỏe bà mẹ - trẻ em, đặc biệt là về làm mẹ an toàn như: Cấp cứu, hồi sức sản khoa, chăm sóc, cấp cứu, hồi sức sơ sinh, giám sát và đáp ứng tử vong mẹ và chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ;

- Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin thông qua việc thực hiện tin học hóa hệ thống gửi/nhận văn bản điện tử, hệ thống thống kê báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về sức khỏe sinh sản;

- Tiến hành các cuộc khảo sát thực trạng mạng lưới, điều tra định kỳ về tình hình sức khỏe bà mẹ, trẻ em, tử vong mẹ, tử vong trẻ em nhằm cung

cấp số liệu cho công tác lập kế hoạch, quy hoạch, truyền thông vận động;

- Từng bước triển khai khám, chữa bệnh từ xa bằng công nghệ thông tin nhằm trao đổi thông tin, đào tạo, hội chẩn, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho tuyến dưới tại các cơ sở y tế;

- Đào tạo cán bộ y tế cơ sở về ứng dụng và tư vấn cho bệnh nhân sử dụng một số phần mềm tự theo dõi sức khỏe, phát hiện nguy cơ bằng điện thoại di động, máy tính;

- Triển khai sử dụng Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho phụ nữ mang thai và trẻ em đến 6 tuổi.

7. Nhóm giải pháp nhằm nâng cao tính sẵn có và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, chú trọng phát triển các dịch vụ chăm sóc sản khoa, chăm sóc sơ sinh, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ

- Tổ chức cung cấp dịch vụ theo phân cấp kỹ thuật, kết hợp với ưu tiên xây dựng và hỗ trợ hệ thống chuyển tuyến thích hợp. Đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản thiết yếu ở tất cả các tuyến:

+ Đảm bảo thực hiện chăm sóc sản khoa và sơ sinh thiết yếu cơ bản ở các trạm y tế ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

+ Ở khu vực thành thị hoặc gần cơ sở y tế tuyến trên tập trung vào các dịch vụ dự phòng như: quản lý thai, chăm sóc sau sinh, phòng chống các bệnh mạn tính không lây; tiêm chủng; truyền thông, giáo dục sức khỏe...

+ Ở tuyến huyện, tập trung tăng cường các dịch vụ cấp cứu sản khoa, nhi khoa, các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình lâm sàng, hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến xã bằng nhiều hình thức bao gồm cả đội lưu động.

+ Tuyến tỉnh tập trung tăng cường các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán ung thư, chẩn đoán và điều trị vô sinh, hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến huyện và xã.

- Thực hiện đúng quy trình chăm sóc phụ nữ có thai, bà mẹ và trẻ sơ sinh theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Bảo đảm cấp cứu, chuyển tuyến an toàn, kịp thời hoặc mời y tế tuyến trên xuống hỗ trợ tại chỗ trong các trường hợp cần thiết.

- Từng bước triển khai việc sàng lọc đánh giá sự phát triển toàn diện nhằm phát hiện sớm và can thiệp kịp thời các trạng thái chậm phát triển hoặc rối loạn ở trẻ nhỏ.

- Tăng cường sự phối hợp giữa chuyên khoa sản với chuyên khoa nhi, hồi sức cấp cứu và các chuyên khoa khác có liên quan trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, đặc biệt trong việc xử lý cấp cứu, hồi sức sơ sinh tại phòng đẻ.

- Nhân rộng các mô hình/can thiệp đã được chứng minh có hiệu quả cao như chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh liên tục từ gia đình, cộng đồng đến cơ sở y tế; đội cấp cứu, phẫu thuật lưu động; chăm sóc trẻ bằng phương pháp Kangaroo; duy trì, mở rộng mô hình đơn nguyên sơ sinh tại bệnh viện huyện; triển khai đồng bộ chiến lược lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động do Giám đốc Sở Y tế làm Trưởng ban, Phó Giám đốc Sở Y tế phụ trách lĩnh vực làm Phó Trưởng ban thường trực, ủy viên Ban chỉ đạo gồm lãnh đạo các đơn vị có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và dự trù kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan thực hiện các hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em.

- Chủ trì tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện và Trạm y tế cấp xã.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông tăng cường các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông cho cộng đồng về: Kiến thức, thực hành tốt trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tính sẵn có và chất lượng của dịch vụ; chế độ chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em...

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh phối hợp với Sở Y tế tăng cường triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng về vai trò, tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em.

3. Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách tham mưu cho UBND tỉnh cân đối kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

- Kinh phí thực hiện năm 2017: Trước mắt đề nghị sở Y tế bố trí, sắp xếp trong dự toán kinh phí đã được giao.

4. Sở Kế hoạch - Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu cho UBND tỉnh cân đối nguồn vốn hỗ trợ kinh phí cho Kế hoạch hành động của tỉnh. Vận động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước đầu tư cho chương trình.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, phối hợp với ngành Y tế triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch có liên quan.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Thực hiện việc chi trả bảo hiểm y tế theo gói dịch vụ trong chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em được Bộ Y tế phê duyệt.

7. Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Bình

Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài về kiến thức, thực hành tốt trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; các dịch vụ và chế độ chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; kết hợp với truyền thông giáo dục về y đức, nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ ứng xử, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ nhân viên ngành Y tế

8. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của hội viên về tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em nhằm thay đổi hành vi của bản thân hội viên và gia đình trong việc chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em.

9. UBND các huyện, thành phố

Chỉ đạo, tổ chức, bố trí các nguồn lực tăng cường công tác truyền thông về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em trên địa bàn.

Trên đây là kế hoạch hành động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2017 - 2020, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, VP6.

ĐN03/KHYT2017

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tống Quang Thìn